

BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN

1.	Tổng số học sinh của trường	381	Học sinh			
2.	Số học sinh cắt cơm	19	Học sinh			
3.	Số học sinh ăn sáng:	362	Học sinh	Tiền ăn:	7,000 đồng	= 2,534,000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	362	Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	= 8,326,000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	362	Học sinh	Tiền ăn:	23,000 đồng	= 8,326,000 đồng
8.	Tiền thu:	19,186,000	đồng	53,000		
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	19,186,000	đồng			
10.	Tiền thiếu:			0	đồng	

Đơn vị thực hiện :

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	108.6	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	25.0	50,000	1,250,000	
3	Nước mắm	Lít	5.0	13,800	69,000	
4	Mỳ chính	Kg	2.0	55,000	110,000	
5	Bột canh	Kg	4.0	20,000	80,000	
6	Muối trắng	Kg	4.0	7,000	28,000	
7	Nước rửa bát	Lít	6.8	38,000	258,400	

8	Nước lau nhà	Lít	7.2	30,000	216,000	
9	Gas đun bếp	Kg	25.0	36,000	900,000	
10	Bánh Mỳ	Cái	362.0	3,500	1,267,000	
11	Xúc xích (ăn cùng Bánh mỳ)	Cái	362.0	4,000	1,448,000	
12	Cá chiên	Kg	52.0	75,000	3,900,000	
13	Bột chiên (Cá+ Thịt lợn)	Kg	6.0	28,000	168,000	
14	Quả su su (thịt xay)	Kg	23.0	15,000	345,000	
15	Cà rốt (Xào thịt)	Kg	13.0	18,000	234,000	
16	Thịt xay (Xào su su+ giá đỗ)	Kg	3.0	120,000	360,000	
17	Cải ngọt (canh)	Kg	22.3	12,000	267,600	
18	Dưa hấu	Kg	27.1	20,000	542,000	
19	Thịt lợn chiên xù	Kg	52.0	120,000	6,240,000	
21	Giá đỗ (Xào thịt xay)	Kg	39.0	17,000	663,000	
22	Bắp cải (canh)	Kg	20.0	12,000	240,000	
23	Quả Dưa hấu	Kg	26.0	20,000	520,000	
24	Hành khô	Kg		40,000	-	
25	Tỏi	Kg		40,000	-	
26	Hành lá	Kg	2.0	40,000	80,000	
					19,186,000	

BỘ PHẬN NHÀ BẾP



Lò Thị Hương

THANH TRA NHÂN DÂN



Hoàng Thái Bình

Yên Châu, ngày 16 tháng 12 năm 2025...

BỘ PHẬN KẾ TOÁN



Tạ Hải Yến

ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG




Lưu Văn Khải

KẾ TOÁN CÔNG TY



Nguyễn Thị Như Vân

ĐẠI DIỆN CÔNG TY




Nguyễn Văn Hải

